

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 77/CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN

Địa chỉ: 268 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Điện thoại: 0262 3865116 - 0262 3855570 Fax: 0262 3811766

E-mail: office@trungnguyenlegend.com

Mã số doanh nghiệp: 6000429946

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ HẠT RANG ARABICA ROBUSTA

2. Thành phần: Cà phê Robusta (64,4 %), cà phê Arabica (27,6 %), dầu bơ thay thế (từ dầu thực vật), dung dịch đường nâu (đường, nước), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm, bơ (có chứa sữa).

Sản phẩm có chứa sữa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng gói với khối lượng tịnh:

Túi: 3 kg.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói kín và chứa trực tiếp trong bao bì màng ghép, có chất liệu phù hợp an toàn thực phẩm chứa trực tiếp sản phẩm thực phẩm (có in thông tin ghi nhãn sản phẩm theo quy định).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: NHÀ MÁY CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN.

Cụm công nghiệp Tân An, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp của công ty CP Đầu tư Trung Nguyên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư các Bộ, ngành:

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một phần bởi Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 và Thông tư số 08/2024/TT-BYT ngày 24/05/2024 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 5250:2015 về Cà phê rang.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

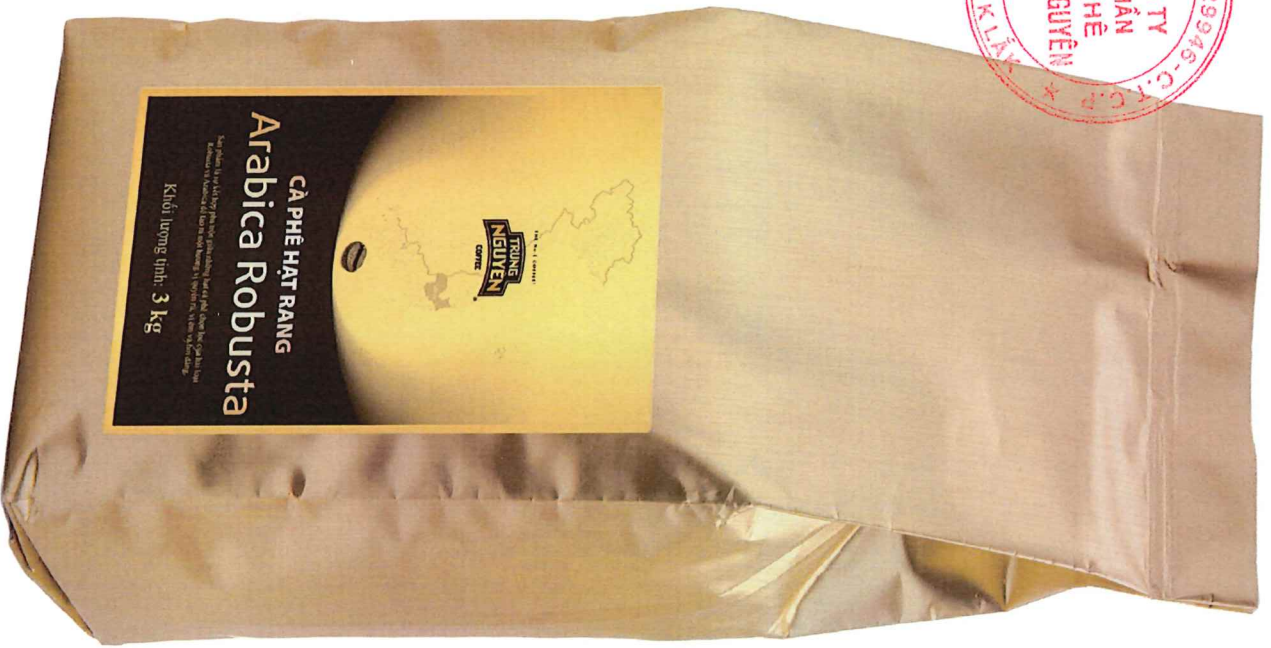
Đắk Lắk, ngày 18 tháng 5 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trịnh Ty



nk
Phó Giám Đốc Marketing

Võ Thị Bình

nk



VILAS 278

WON: FST260306637-8
Date/ Ngày: 14-Mar-2026

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION/
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Name of sample provided by client : Whole Bean Coffee Arabica Robusta
(Tên mẫu được khách hàng cung cấp) Cà Phê Hạt Rang Arabica Robusta
Lot: 260226B221

Sample description (Mô tả mẫu) : Sample in aluminum bag/ Mẫu đựng trong túi nhôm

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 08-Mar-2026

Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 09-Mar-2026

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./STT	Parameters / Chỉ tiêu	Result / Kết quả	Method / Phương pháp
1	Appearance/ Trạng thái(*)	Coffee beans, typical of product Dạng hạt, đặc trưng sản phẩm	TCVN 5250:2015 (Sensory Evaluation)
2	Colour/ Màu(*)	Brown colour of product, roasted coffee beans cook evenly, not burn Màu nâu đặc trưng của sản phẩm, hạt cà phê rang chín đều, không bị cháy	TCVN 5250:2015 (Sensory Evaluation)
3	Smell/ Mùi(*)	Typical smell of product, without strange smell Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không mùi lạ	TCVN 5250:2015 (Sensory Evaluation)
4	Taste/ Vị(*)	Typical taste of product Vị đặc trưng của sản phẩm	TCVN 5250:2015 (Sensory Evaluation)

Note/ Ghi chú:

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. LOD: Limit of detection/ Giới hạn phát hiện.
3. LOQ: Limit of quantification/ Giới hạn định lượng.
4. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch



This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho
Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn





VILAS 278

WON: FST260306637-8
Date/ Ngày: 14-Mar-2026

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION/
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Name of sample provided by client (Tên mẫu được khách hàng cung cấp) : Whole Bean Coffee Arabica Robusta
Cà Phê Hạt Rang Arabica Robusta
Lot: 260226B221

Sample description (Mô tả mẫu) : Sample in aluminum bag/ Mẫu đựng trong túi nhôm

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 08-Mar-2026

Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 09-Mar-2026

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
1	Ash content/ Hàm lượng tro tổng số	g/100g	3.96	0.05	TCVN 5253:1990
2	Good bean/ Hạt tốt (*)	g/100g	> 98.0	-	TCVN 5250:2015
3	Defective bean/ Hạt lỗi (*)	g/100g	< 1.00	-	TCVN 5250:2015
4	Fragment/ Mảnh vỡ (*)	g/100g	< 1.00	-	TCVN 5250:2015
5	Foreign matter/ Hàm lượng tạp chất (*)	g/100g	< 0.10	-	TCVN 5250:2015
6	Moisture/ Độ ẩm (*)	g/100g	0.86	-	TCVN 10706:2015

Note/ Ghi chú:

- This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- LOD: Limit of detection/ Giới hạn phát hiện.
- LOQ: Limit of quantification/ Giới hạn định lượng.
- (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ Giám đốc



This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 04/11/2025



VILAS 278

WON: FST260306637-8

Date/ Ngày: 14-Mar-2026

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION/
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Name of sample provided by client : Whole Bean Coffee Arabica Robusta
(Tên mẫu được khách hàng cung cấp) Cà Phê Hạt Rang Arabica Robusta
Lot: 260226B221

Sample description (Mô tả mẫu) : Sample in aluminum bag/ Mẫu đựng trong túi nhôm

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 08-Mar-2026

Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 09-Mar-2026

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
1	Caffeine/ Hàm lượng Cafein	g/100g	1.94	0.01	TCVN 9723:2013 (ISO 20481:2008)

Note/ Ghi chú:

- This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- LOD: Limit of detection/ Giới hạn phát hiện.
- LOQ: Limit of quantification/ Giới hạn định lượng.
- (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ Giám đốc



Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam

HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward,

FOP24.07 Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887

Email: cs.cantho@intertek.com

Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 04/11/2025



VILAS 278

WON: FST260306637-8

Date/ Ngày: 14-Mar-2026

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION/
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN

Name of sample provided by client : Whole Bean Coffee Arabica Robusta
(Tên mẫu được khách hàng cung cấp) Cà Phê Hạt Rang Arabica Robusta
Lot: 260226B221

Sample description (Mô tả mẫu) : Sample in aluminum bag/ Mẫu đựng trong túi nhôm

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 08-Mar-2026

Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 09-Mar-2026

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
1	Ochratoxin A/ Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	Not detected Không phát hiện	0.50	FST-WI01 chapter 39 (2019) (Ref. AOAC 2004.10) (LC-MS/MS)

Note/ Ghi chú:

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. LOD: Limit of detection/ Giới hạn phát hiện.
3. LOQ: Limit of quantification/ Giới hạn định lượng.
4. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ Giám đốc



Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam

HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887

Email: cs.cantho@intertek.com

Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 04/11/2025



VILAS 278

WON: FST260306637-8
Date/ Ngày: 14-Mar-2026

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION/
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Name of sample provided by client : Whole Bean Coffee Arabica Robusta
(Tên mẫu được khách hàng cung cấp) Cà Phê Hạt Rang Arabica Robusta
Lot: 260226B221

Sample description (Mô tả mẫu) : Sample in aluminum bag/ Mẫu đựng trong túi nhôm

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 08-Mar-2026

Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 09-Mar-2026

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
1	Cyproconazole	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.01	FST- WI06 chapter 40 (2025) (Ref. AOAC 2007.01 and EN 15662:2018) (GC-MS/MS)

Note/ Ghi chú:

- This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- LOD: Limit of detection/ Giới hạn phát hiện.
- LOQ: Limit of quantification/ Giới hạn định lượng.
- (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ Giám đốc



This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam

HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward,

FOP24.0 Hồ Chí Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887

Email: cs.cantho@intertek.com

Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 04/11/2025

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION/
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Name of sample provided by client : Whole Bean Coffee Arabica Robusta
(Tên mẫu được khách hàng cung cấp) Cà Phê Hạt Rang Arabica Robusta
Lot: 260226B221

Sample description (Mô tả mẫu) : Sample in aluminum bag/ Mẫu đựng trong túi nhôm

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 08-Mar-2026

Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 09-Mar-2026

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
1	Mercury (Hg) content/ Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.008	FST-WI04 chapter 02 (2022) (Ref. AOAC 974.14) (AAS)
2	Arsenic (As) content/ Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.02	FST-WI04 chapter 09 (2022) (Ref. AOAC 986.15) (AAS)
3	Lead (Pb) content/ Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.02	AOAC 999.11 (AAS)
4	Cadmium (Cd) content/ Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.005	AOAC 999.11 (AAS)

Note/ Ghi chú:

- This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- LOD: Limit of detection/ Giới hạn phát hiện.
- LOQ: Limit of quantification/ Giới hạn định lượng.
- (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ Giám đốc



This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam

HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward,

Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887

Email: cs.cantho@intertek.com

Website: www.intertek.com / www.intertek.vn





Report N°: 0001386947

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: April 02, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 02/04/2026

JOB NO.: M2602A-02968

Đơn hàng: M2602A-02968

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : **TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION**
Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN**

CLIENT'S ADDRESS : **268 NGUYEN TAT THANH STREET, TAN LAP WARD, DAK LAK PROVINCE, VIETNAM**
Địa chỉ : **SỐ 268 ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK, VIỆT NAM**

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : *Khách hàng*

Client's reference : **Whole Bean Coffee Arabica Robusta**
Chú thích của khách hàng : *Cà phê hạt rang Arabica Robusta*

Sampling date : **11/02/2026**

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Coffee (approx. gr. wt. 0.6kg) in the aluminium container**
Mô tả mẫu : *Cà phê (khoảng 0.6kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhôm*

Sample ID : **M2602A-02968.004**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : **February 26, 2026**
Ngày nhận mẫu : *26/02/2026*

Testing period : **February 26, 2026 - March 12, 2026**
Thời gian thử nghiệm : *26/02/2026 - 12/03/2026*

Test(s) requested : **As applicant's requirement**
Yêu cầu thử nghiệm : *Theo yêu cầu của khách hàng*

Test result(s) : **Please refer to the next page(s)**
Kết quả kiểm nghiệm : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	RL	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Protein Chất đạm	ISO 1871:2009	0.430 ± 0.039	0.05	g/20g	N x 6.25 incl. nitrogen contribute d from caffein as client required.
2. Carbohydrate (not including dietary fiber) Carbohydrat (không bao gồm xơ)	AOAC 2020.07	0.195 ± 0.020	0.09	g/20g	not incl. polyols & Note (2)
3. Energy Năng lượng	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(*)	2.52 ± 0.18	-	kcal/20g	Vietnam market
4. Total fat Chất béo	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	Not Detected Không phát hiện	0.05	g/20g	
5. Total sugars Đường tổng số	AOAC 2018.16	0.0747 ± 0.0080	_(a)	g/20g	Note (3)
6. Fructose Fructoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.05	g/20g	
7. Galactose Galactoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.05	g/20g	
8. Glucose Glucoza	AOAC 2018.16	0.0747 ± 0.0080	0.05	g/20g	
9. Lactose Lactoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.05	g/20g	
10. Maltose Maltoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.05	g/20g	
11. Sucrose Sucroza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.05	g/20g	
12. Sodium (Na) Natri	AOAC 2011.14	9.2 ± 1.8	0.5	mg/20g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
 appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
 extent of the law.



Report N°: 0001386947

Page N° 3/4

Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (*) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (2) Including digestible starch, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose and 40 % of lactulose. It does not include polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose and allulose.
(2) Bao gồm tinh bột tiêu hóa, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose và 40 % lactulose. Không bao gồm polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose và allulose.
- (3) Sum of Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, and Sucrose.
(3) Tổng của Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, và Sucrose.
- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO - Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- Reporting Limit (RL) was required by client.
Giới hạn báo cáo (RL) được yêu cầu bởi khách hàng.
- RL = Reporting Limit. RL is referred to Limit of Quantitation (LOQ or the value higher than the LOQ) when applied to quantitative analytes, estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below RL. For chemical analytes and qualitative microbiological analytes, the value below RL is reported as Not Detected. For quantitative microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
RL = Giới hạn báo cáo. RL ứng với giới hạn định lượng (LOQ hoặc giá trị lớn hơn LOQ) khi áp dụng cho chỉ tiêu định lượng, mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn báo cáo. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học và chỉ tiêu phân tích vi sinh định tính, giá trị chất phân tích nhỏ hơn RL được báo cáo là Không phát hiện. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh định lượng, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).
- (a) Refer to RL of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
(a) Tham khảo RL của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.
- The tests were performed on drip-filter coffee liquid, the results on coffee powder were calculated from the relevant results of received sample prepared in the ratio of 20 g coffee sample and 70 mL hot water to obtained 50 mL as client required.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park In Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001386947

Page N° 4/4

Phép thử được thực hiện trên mẫu dịch cà phê pha phin, kết quả trên cà phê bột được tính toán dựa trên các kết quả từ mẫu nguyên trạng được pha theo tỉ lệ 20 g mẫu cà phê và 70mL nước nóng và thu được 50 mL theo yêu cầu của khách hàng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)



Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH

Vũ Đình Nhì
Trưởng Bộ phận Thử nghiệm
Đư lượng Thuốc Bảo vệ Thực vật



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.